

Bản án số: 62/2019/HNGĐ-ST  
Ngày 23 - 4- 2019  
V/v chị Nh xin ly hôn anh Ch

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH N**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Xuân Dũng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đào Văn Rạng

2. Ông Đàm Văn Kiều

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Tuấn Tú - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh N.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh N tham gia phiên tòa:** Ông Trần Thế Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019. Về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Nh - Sinh năm 1987

Địa chỉ: Xóm 3, xã N, huyện N, tỉnh N.

+ Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Ch - Sinh năm 1982

Địa chỉ: Xóm 3, xã N, huyện N, tỉnh N.

Tại phiên tòa có mặt chị Nh và anh Ch.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện lập ngày 14/02/2019 cũng như lời khai của chị Bùi Thị Nh trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn Ch vào tháng 01/2007, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh N. Sau khi kết hôn chị và anh Ch chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2010 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do anh Ch hay uống rượu rồi đánh chửi chị và con. Đã nhiều lần chị và gia đình khuyên giải nhưng anh Ch không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng

giữa chị và anh Ch không được cải thiện. Từ tháng 5/2016 đến nay chị và anh Ch đã sống ly thân nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Ch không còn nên chị xin được ly hôn anh Ch. Về con chung giữa chị và anh Nguyễn Văn Ch có hai con chung là Nguyễn Anh M sinh ngày 05/10/2007 và Nguyễn Thị Ánh T sinh ngày 20/10/2010, hiện đang do anh Ch quản lý nuôi dưỡng. Nay anh Ch có nguyện vọng xin được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con thì chị cũng nhất trí và chị xin cấp dưỡng nuôi hai con cùng anh Ch mỗi tháng, mỗi cháu 1.000.000 đồng kể từ tháng 4/2019 cho đến khi các cháu trưởng thành tự lập được. Về tài sản chung giữa chị và anh Nguyễn Văn Ch thì chị không yêu cầu giải quyết. Về án phí, chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn Ch có lời khai trình bày đúng như lời khai của chị Bùi Thị Nh về việc kết hôn và sống chung giữa anh và chị Nh. Sau khi kết hôn anh và chị Nh chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh và chị Nh luôn bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau. Từ tháng 8/2018 đến nay anh và chị Nh sống ly thân nhau. Nay chị Nh xin ly hôn anh thì anh không nhất trí ly hôn chị Nh vì anh vẫn còn tình cảm với chị Nh và các con còn nhỏ nên anh mong chị Nh suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy các con. Về con chung giữa anh và chị Bùi Thị Nh có hai con chung là Nguyễn Anh M sinh ngày 05/10/2007 và Nguyễn Thị Ánh T sinh ngày 20/10/2010, hiện anh đang nuôi dưỡng. Nếu phải ly hôn thì anh có nguyện vọng xin được nuôi hai con chung và yêu cầu chị Nh phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh mỗi tháng, mỗi cháu là 1.000.000 đồng kể từ tháng 4/2019 cho đến khi các con trưởng thành tự lập được. Về tài sản chung giữa anh và chị Nh thì anh không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng, qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: xử lý hôn giữa chị Bùi Thị Nh và anh Nguyễn văn Ch. Về con chung: giao cháu Nguyễn Anh M sinh ngày 05/10/2007 và cháu Nguyễn Thị Ánh T sinh ngày 20/10/2010 cho anh Nguyễn Văn Ch trực tiếp nuôi dưỡng, buộc chị Bùi Thị Nh phải cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng anh Ch. Về án phí buộc chị Nh phải nộp theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị Nh và anh Nguyễn Văn Ch đều cư trú tại xã N, huyện N, tỉnh N. Nay chị Bùi Thị Nh có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Văn Ch và Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Bùi Thị Nh và anh Nguyễn Văn Ch được tổ chức kết hôn vào tháng 1/2007, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn chị Nh và anh Ch chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2010 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do hai bên không hợp tính nhau và còn do anh Ch hay uống rượu và đánh chửi chị Nh. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị Nh và anh Ch không được cải thiện. Từ tháng 5/2016 đến nay chị Nh và anh Ch sống ly thân nhau. Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nh và anh Ch đã kéo dài và ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ, nay chị Nh xin được ly hôn anh Ch nên chấp nhận là phù hợp. Xét việc anh Ch xin được đoàn tụ cùng chị Nh với lý do anh vẫn còn tình cảm với chị Nh và vì con chung thấy không có cơ sở nên yêu cầu của anh Ch không được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Bùi Thị Nh và anh Nguyễn Văn Ch có hai con chung là Nguyễn Anh M sinh ngày 05/10/2007 và Nguyễn Thị Ánh T sinh ngày 20/10/2010, hiện đang do anh Ch nuôi dưỡng. Nay anh Ch xin được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu chị Nh cấp dưỡng nuôi hai con cùng anh mỗi cháu, mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 4/2019 cho đến khi các cháu trưởng thành tự lập được và phía chị Nh cũng nhất trí nên chấp nhận là phù hợp.

[4] Về tài sản: Chị Bùi Thị Nh và anh Nguyễn Văn Ch đều không yêu cầu Tòa án giải quyết giải quyết về tài sản chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chị Bùi Thị Nh phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1- Xử lý hôn giữa chị Bùi Thị Nh và anh Nguyễn Văn Ch.

2- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Anh M sinh ngày 05/10/2007 và cháu Nguyễn Thị Ánh T sinh ngày 20/10/2010 cho anh Nguyễn Văn Ch trực tiếp nuôi dưỡng(anh Nguyễn Văn Ch đang quản lý nuôi dưỡng cháu Nguyễn Anh M và cháu Nguyễn Thị Ánh T). Buộc chị Bùi Thị Nh phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh Nguyễn Văn Ch mỗi tháng, mỗi cháu 1.000.000 đồng kể từ tháng 4/2019 cho đến khi các cháu Nguyễn Anh M và cháu Nguyễn Thị Ánh T trưởng thành tự lập được. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

3- Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm chị Bùi Thị Nh phải nộp 300.000 đồng. Án phí cấp dưỡng nuôi con chị Bùi Thị Nh phải nộp 300.000 đồng. Tổng số tiền án phí chị Bùi Thị Nh phải nộp là 600.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Bùi Thị Nh đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: BB/2012/06391 ngày 18/02/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị Bùi Thị Nh còn phải nộp án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị Nh và anh Ch. Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh N;
- VKSND H N;
- Chi cục THADS H N;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Trần Xuân Dũng**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đào Văn Rạng**

**Đàm Văn Kiều**

**Trần Xuân Dũng**